

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 60



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Minh Ngọc	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Anh Minh	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm thành Quyền Tổng Giám đốc)
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Anh Minh
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Số: *077* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 60, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh số 8, 21 và 32 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm khoảng 504,2 tỷ VND là số dư gốc phải thu một số công ty liên quan đến việc Tổng Công ty thanh toán hộ hoặc cho các công ty này vay lại theo các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (OceanBank) và Tổng Công ty. Theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay của Tổng Công ty đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này và thực hiện hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích với số tiền khoảng 84,6 tỷ VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm khoảng 102 tỷ VND là giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án đang trong quá trình dừng thực hiện và đề nghị các cấp có thẩm quyền phê duyệt đề Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) nhận lại dự án từ Tổng Công ty.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thu bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Trong năm, Tổng Công ty đã rà soát các thu bảo lãnh và đánh giá một số nghĩa vụ bảo lãnh đã có sự thay đổi, theo đó Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 46 tỷ VND. Tính đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục đàm phán với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải chấp các thu bảo lãnh.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND, hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD và hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của các dự án này.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu. Theo đó, trên cơ sở tái cấu trúc/sáp nhập/thanh lý các công ty con hiện tại, giai đoạn sau năm 2015, Tổng Công ty chỉ còn 5 công ty con là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 3.041 tỷ VND, dư nợ vay ngân hàng quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 149,6 tỷ VND và dư nợ các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh quá hạn là khoảng 564 tỷ VND. Các vấn đề này ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mai Hương

Kiểm toán viên

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0897-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		10.893.486.628.387	11.132.937.708.810
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.765.815.383.424	1.597.774.161.145
1. Tiền	111		1.314.274.161.803	1.001.328.605.228
2. Các khoản tương đương tiền	112		451.541.221.621	596.445.555.917
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	124.083.969.545	47.219.783.066
1. Đầu tư ngắn hạn	121		289.716.053.745	93.883.700.394
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(165.632.084.200)	(46.663.917.328)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.909.158.500.515	4.016.937.252.604
1. Phải thu khách hàng	131		1.564.574.001.595	1.308.381.956.461
2. Trả trước cho người bán	132	7	2.421.428.082.627	2.896.497.620.343
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	72.612.816.918
4. Các khoản phải thu khác	135	8	1.263.897.254.478	1.035.431.491.085
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.340.740.838.185)	(1.295.986.632.203)
IV. Hàng tồn kho	140	9	4.616.960.488.485	4.061.556.650.224
1. Hàng tồn kho	141		4.880.195.894.094	4.324.494.566.723
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(263.235.405.609)	(262.937.916.499)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		477.468.286.418	1.409.449.861.771
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		17.065.869.850	15.654.056.743
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	23	280.436.254.483	178.332.557.045
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	23	38.675.101.909	38.202.087.041
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	141.291.060.176	1.177.261.160.942

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 60 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		4.185.742.767.612	5.382.721.717.473
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		174.081.951.419	199.209.684.765
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		169.448.618.086	194.474.919.028
2. Phải thu dài hạn khác	218		4.633.333.333	4.734.765.737
II. Tài sản cố định	220		2.686.205.088.267	3.536.229.669.018
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.290.270.207.041	1.977.050.125.597
- Nguyên giá	222		1.701.694.578.055	2.594.056.202.976
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(411.424.371.014)	(617.006.077.379)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	69.209.953.887	79.105.428.626
- Nguyên giá	225		100.159.875.598	109.377.743.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(30.949.921.711)	(30.272.315.292)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	398.940.777.683	403.719.647.537
- Nguyên giá	228		414.972.372.442	416.805.226.402
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.031.594.759)	(13.085.578.865)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	927.784.149.656	1.076.354.467.258
III. Bất động sản đầu tư	240	15	105.724.312.697	220.037.687.980
- Nguyên giá	241		110.708.341.500	231.435.776.768
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.984.028.803)	(11.398.088.788)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		618.728.682.399	906.802.609.305
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	261.255.484.579	291.704.720.527
3. Góp vốn liên doanh	253		-	13.801.292.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258	18	518.101.721.584	829.456.824.273
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(160.628.523.764)	(228.160.227.495)
V. Tài sản dài hạn khác	260		569.670.432.381	482.918.122.881
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	294.243.458.839	328.782.736.227
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		50.639.553.304	43.430.508.514
3. Tài sản dài hạn khác	268		224.787.420.238	110.704.878.140
VI. Lợi thế thương mại	269	20	31.332.300.449	37.523.943.524
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		15.079.229.395.999	16.515.659.426.283

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 60 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		12.271.811.602.668	13.656.919.301.351
I. Nợ ngắn hạn	310		10.624.273.215.055	12.470.481.838.441
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	21	1.069.295.087.103	2.475.624.309.971
2. Phải trả người bán	312		2.185.781.126.425	1.397.759.001.914
3. Người mua trả tiền trước	313	22	4.925.028.993.793	6.278.386.150.284
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23	100.796.602.326	92.652.964.378
5. Phải trả người lao động	315		121.977.557.228	77.136.200.777
6. Chi phí phải trả	316	24	760.991.848.577	839.266.656.590
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	25	1.458.658.091.039	1.302.493.899.243
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.743.908.564	7.162.655.284
II. Nợ dài hạn	330		1.647.538.387.613	1.186.437.462.910
1. Phải trả dài hạn người bán	331		2.610.367.288	2.620.062.581
2. Phải trả dài hạn khác	333		72.756.254.041	44.073.423.303
3. Vay và nợ dài hạn	334	26	1.412.218.649.951	1.022.329.166.252
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		8.542.391.943	11.325.744.022
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337		16.676.225.820	9.321.372.703
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		134.734.498.570	96.767.694.049
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.113.295.156.342	1.081.194.933.441
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	1.113.295.156.342	1.081.194.933.441
1. Vốn điều lệ	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		76.921.472	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.063.276.244	3.063.276.244
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.862.795.798)	(3.352.536.660)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		89.789.167.270	91.172.559.438
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		61.881.646.560	62.590.297.630
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.162.412.232	2.814.220.034
8. (Lỗ) lũy kế	420		(3.040.815.471.638)	(3.075.092.883.245)
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.694.122.636.989	1.777.545.191.491
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		15.079.229.395.999	16.515.659.426.283

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 60 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	9.716.217.233	9.716.217.233
2. Ngoại tệ các loại:			
- Đô la Mỹ	USD	36.844.667	69.967.892
- Euro	EUR	-	8




Bùi Hoàng Giang
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Minh
Quyền Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.938.809.761.010	5.006.740.972.456
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.826.331.334	44.692.803.733
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	29	8.927.983.429.676	4.962.048.168.723
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	8.550.837.001.943	4.907.781.647.528
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		377.146.427.733	54.266.521.195
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	505.671.759.325	73.283.516.763
7. Chi phí tài chính	22	32	311.928.430.551	811.479.142.448
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>131.442.443.218</i>	<i>454.402.187.209</i>
8. Chi phí bán hàng	24		17.203.586.298	16.884.051.758
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		536.591.281.482	1.248.072.342.746
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30		17.094.888.727	(1.948.885.498.994)
11. Thu nhập khác	31		105.630.289.950	286.270.903.157
12. Chi phí khác	32		56.369.995.226	474.307.755.099
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31-32)	40		49.260.294.724	(188.036.851.942)
14. (Lỗ) trong công ty liên kết	45		(19.122.458.307)	(21.820.633.478)
15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		47.232.725.144	(2.158.742.984.414)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	45.294.691.485	30.952.622.411
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	(8.374.498.414)	38.655.163.497
18. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		10.312.532.073	(2.228.350.770.322)
<i>Phân phối cho:</i>				
(Lỗ) sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(5.121.462.942)	(605.619.103.728)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		15.433.995.015	(1.622.731.666.594)
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	35	39	(4.057)

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 60 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



Bùi Hoàng Giang
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Minh
Quyền Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>47.232.725.144</i>	<i>(2.158.742.984.414)</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	119.770.854.711	208.428.977.253
Các khoản dự phòng	03	96.488.158.233	1.205.788.197.532
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(976.572.032)	(11.491.636.071)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(53.627.576.075)	(38.611.990.305)
Chi phí lãi vay	06	131.442.443.218	454.402.187.209
<i>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>340.330.033.199</i>	<i>(340.227.248.796)</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(73.456.295.562)	897.355.311.277
Thay đổi hàng tồn kho	10	(555.701.327.371)	(627.587.619.973)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	561.417.031.635	291.861.298.120
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	2.107.643.082.434	804.732.569.015
Tiền lãi vay đã trả	13	(101.708.211.857)	(211.097.548.963)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(44.323.701.395)	(22.069.013.038)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.094.005.067	2.458.498.300
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.265.764.055.819)	(28.721.032.109)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>972.530.560.331</i>	<i>766.705.213.833</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(97.798.503.814)	(73.153.123.017)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	33.165.656.975	257.789.430.549
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.536.276.347)	(2.960.276.334)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	50.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	98.669.631.807	306.886.593.216
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.690.431.809	56.483.886.867
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>51.190.940.430</i>	<i>527.334.529.803</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.831.270.275.901	1.824.946.718.053
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.660.758.190.325)	(2.226.848.630.369)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(26.462.672.026)	(30.710.281.374)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(855.950.586.450)</i>	<i>(432.612.193.690)</i>

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 60 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	167.770.914.311	861.427.549.946
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.597.774.161.145	736.104.188.896
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	270.307.968	242.422.303
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	1.765.815.383.424	1.597.774.161.145

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm số tiền 1.053.670.591.271 VND là số tiền ký quỹ giá trị còn lại của L/C nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và 95.292.451.778 VND là số tiền ký quỹ để mở bảo lãnh thực hiện gói thầu xây dựng số 6 - Dự án tổ hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn.



Bùi Hoàng Giang
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Minh
Quyền Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 02 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.181.733.330.000 VND, chiếm 54,54%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.825 người (31 tháng 12 năm 2013: 5.010 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nội; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nổi, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tình hình tài chính của Công ty mẹ và một số công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô) có dấu hiệu nghi ngờ về tính hoạt động liên tục do công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn, không có khả năng chi trả các khoản vay ngắn hạn và các công ty này có lỗ lũy kế hoặc/và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm. Lỗ lũy kế của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là khoảng 3.041 tỷ VND, dư nợ vay ngắn hạn quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 149,6 tỷ VND (bao gồm 40,7 tỷ VND vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội đã bị ngân hàng khấu trừ tiền để thu hồi nợ như trình bày tại Thuyết minh số 21) và dư nợ các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh quá hạn là khoảng 564 tỷ VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng tin tưởng rằng, Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2015 và các năm tiếp theo để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh, cũng như nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vũng Áng, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, các báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại (Tiếp theo)

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản khác	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Năm 2014
	Số năm
Máy móc, thiết bị	7 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các năm kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng, chi phí phân bổ gián giáo cấp pha, lợi thế kinh doanh, chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giàn giáo cấp pha được trình bày theo nguyên giá trừ đi phần giá trị đã phân bổ lũy kế. Giàn giáo cấp pha được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6,5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn (Tiếp theo)

Chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ qua Sàn giao dịch Bất động sản - Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (dự án Petrovietnam Landmark tại phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ doanh thu được ghi nhận trong năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	7.722.633.897	9.424.348.195
Tiền gửi ngân hàng	1.306.551.527.906	991.893.034.858
Tiền đang chuyển	-	11.222.175
Các khoản tương đương tiền (i)	451.541.221.621	596.445.555.917
	<u>1.765.815.383.424</u>	<u>1.597.774.161.145</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	289.716.053.745	93.883.700.394
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(165.632.084.200)	(46.663.917.328)
	<u>124.083.969.545</u>	<u>47.219.783.066</u>

(i) Đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện các khoản đầu tư sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	258.693.133.800	39.922.789.041
Góp vốn đầu tư Khu đô thị Dầu khí Sông Hồng	-	27.500.000.000
Góp vốn đầu tư vào Dự án Chung cư BMM	23.253.395.500	23.253.395.500
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	7.769.524.445	3.207.515.853
	<u>289.716.053.745</u>	<u>93.883.700.394</u>

(*) Số dư đầu tư chứng khoán ngắn hạn chủ yếu thể hiện khoản đầu tư vào các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được phân loại lại từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo Quyết định số 967/QĐ-XLKD ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt kế hoạch thoái vốn (bán phần vốn góp) của Tổng Công ty tại các công ty đã niêm yết, theo đó Tổng Công ty đã và sẽ thực hiện thoái vốn tại các công ty này trên sàn giao dịch chứng khoán trong năm 2014 và 2015 theo phương thức thực hiện là khớp lệnh/thỏa thuận như trình bày tại Thuyết minh số 18.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Công nghiệp Daelim (*)	871.808.649.161	1.294.644.589.403
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	277.147.928.725	268.201.213.380
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	246.661.731.693	-
FLSmidth Wadgassen	174.599.500.950	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	131.749.756.306	162.682.198.765
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	112.839.334.990	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	106.399.634.923	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	44.395.984.812	44.521.327.592
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	43.302.929.463	-
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Công nghiệp Tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	42.215.869.300
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	36.988.177.853	36.984.300.080
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	27.387.208.976	-
Tập đoàn Sojitz	-	367.013.493.064
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	-	33.718.184.864
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	-	27.501.089.084
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát	-	46.690.673.152
Liên doanh nhà thầu Sotraco- Seen- Asia Biogas	-	20.044.713.000
Các nhà cung cấp khác	305.931.375.475	552.279.968.659
	<u>2.421.428.082.627</u>	<u>2.896.497.620.343</u>

(*) Khoản trả trước cho Công ty Công nghiệp Daelim liên quan đến hợp đồng mua thiết bị dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) (i)	221.556.865.576	234.468.094.150
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	219.191.643.621	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí-IDICO (i)	115.767.136.834	126.851.487.558
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	100.063.500.000	100.063.500.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) (i)	98.214.486.434	100.682.193.067
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (ii)	85.447.703.469	85.447.703.469
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (iii)	45.477.848.975	45.477.848.975
Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	40.000.000.000	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	48.528.199.760	18.304.527.631
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (PVC EIC)	-	19.328.869.681
Phải thu khác	289.649.869.809	259.807.266.554
	<u>1.263.897.254.478</u>	<u>1.035.431.491.085</u>

(i) Số dư phải thu các công ty này chủ yếu bao gồm (a): số tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) tiền nhận chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 và số tiền Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Khách sạn Lam Kinh) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh theo Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (OceanBank) và Tổng Công ty. Số dư nợ gốc các khoản nêu trên là khoảng 504,2 tỷ VND và nợ lãi là khoảng 42,4 tỷ VND. Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty đã làm việc với các công ty này và đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này và thực hiện hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích với số tiền khoảng 84,6 tỷ VND; (b): phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An cho PVNC với số tiền khoảng 73,9 tỷ VND.

(ii) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (PVC - IMICO) tại SHB - Chi nhánh Thăng Long và thu hồi nợ quá hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền lần lượt là 39.213.925.313 VND và 46.233.778.156 VND. Do không đồng ý với việc khấu trừ tiền nói trên của SHB cũng như chưa thống nhất được phương án giải quyết vụ việc sau nhiều cuộc họp, làm việc giữa Tổng Công ty, SHB và PVC - IMICO, Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với đơn vị tư vấn luật để thống nhất quy trình, cách thức khởi kiện SHB. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

(iii) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương thể hiện khoản tiền ngân hàng này đã khấu trừ từ tài khoản của Công ty mẹ - Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Công ty mẹ đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 38).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	72.239.888.895	41.317.154.974
Công cụ, dụng cụ	8.516.287.585	8.429.612.509
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	4.298.086.638.823	3.677.553.377.552
Thành phẩm	350.118.858	30.058.684.082
Hàng hóa	484.807.325.068	442.905.404.089
Hàng hóa bất động sản	16.195.634.865	124.230.333.517
	<u>4.880.195.894.094</u>	<u>4.324.494.566.723</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(263.235.405.609)	(262.937.916.499)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>4.616.960.488.485</u>	<u>4.061.556.650.224</u>

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang xây dựng dở dang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi phí sản xuất dở dang chi tiết theo các công trình như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	2.118.807.715.306	801.750.067.464
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (i)	320.611.051.744	594.165.259.416
Dự án chung cư cao cấp Mỹ Phú - Q.7 - TP. HCM	411.933.476.281	381.048.292.230
Công trình Ethanol (i)	-	336.647.526.961
Dự án chung cư cao tầng Thăng Long - Q.9 - TP. HCM (ii)	326.821.059.332	322.954.545.455
Công trình PetroVietnam Landmark	337.946.090.866	299.233.424.424
Công trình 242 Nguyễn Hữu Cảnh	121.250.045.227	147.384.730.989
Công trình LPG Lạnh	-	122.176.070.683
Dự án Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	56.970.683.089	24.730.795.986
Dự án Diamond	29.636.009.191	78.605.771.779
Viện Dầu khí Việt Nam	109.014.395.323	34.135.934.502
Các công trình khác	465.096.112.464	534.720.957.663
	<u>4.298.086.638.823</u>	<u>3.677.553.377.552</u>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của các dự án này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này. Công trình Ethanol chủ yếu được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) và Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát đối với PVC-HN và PVC-ME, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại các công ty này cũng chiếm từ trên 20% đến dưới 50%. Do đó, số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công trình Ethanol không còn được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)**

(ii) Thể hiện chi phí quyền sử dụng đất liên quan đến dự án chung cư cao tầng Thăng Long, Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh là số tiền mà Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - Công ty con của Tổng Công ty) trả cho Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh (gọi tắt là "Công ty Vũ Anh") theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 319/2010/HĐ-PETROLAND ký ngày 06 tháng 8 năm 2010 và các phụ lục hợp đồng để thực hiện các chi phí đền bù giải tỏa và các chi phí khác để có được quyền sử dụng đất cho lô đất với diện tích 60.626,4 m² thuộc dự án Khu nhà ở cao tầng và công trình công cộng tại Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng lô đất này của Petroland hiện đang chờ UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt. Khoản tiền này cũng được ghi nhận là khoản vốn góp của Petroland vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (một công ty con của Petroland) trên báo cáo tài chính riêng của Petroland. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Vũ Anh vẫn chưa thực hiện xong các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	46.617.299.670	124.490.573.480
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	91.360.350.431	1.037.535.131.922
Tài sản ngắn hạn khác	3.313.410.075	15.235.455.540
	<u>141.291.060.176</u>	<u>1.177.261.160.942</u>

(i) Ký cược, ký quỹ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm số tiền 80.375.460.590 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.014.073.652.114 VND) là số tiền ký quỹ để mở thanh toán cho các L/C nhập khẩu thiết bị cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo Hợp đồng tín dụng số 01/VCB-PVC ký ngày 12 tháng 12 năm 2012 giữa Tổng Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	1.498.110.537.877	806.385.156.075	229.710.589.250	52.419.813.539	7.430.106.235	2.594.056.202.976
Tăng do mua sắm	3.553.537.273	8.384.029.799	15.113.754.547	2.588.664.440	-	29.639.986.059
Tăng do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	1.032.482.000	-	-	1.032.482.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	26.034.644.142	-	-	-	-	26.034.644.142
Thanh lý, nhượng bán	(3.045.469.782)	(9.528.940.942)	(17.454.384.999)	(396.501.905)	(271.863.636)	(30.697.161.264)
Giảm do không nắm quyền kiểm soát công ty con (i)	(298.631.970.550)	(512.067.932.231)	(85.410.360.689)	(10.101.800.325)	(6.602.249.099)	(912.814.312.894)
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(5.934.491.758)	-	-	-	-	(5.934.491.758)
Tăng/(giảm) khác	1.162.168.153	(223.135.724)	-	(561.803.635)	-	377.228.794
Phân loại lại	-	-	2.620.401.159	(2.620.401.159)	-	-
Tại ngày 31/12/2014	1.221.248.955.355	292.949.176.977	145.612.481.268	41.327.970.955	555.993.500	1.701.694.578.055

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2014	102.077.756.929	328.137.164.845	143.718.073.897	38.205.730.907	4.867.350.801	617.006.077.379
Trích khấu hao trong năm	46.663.095.346	26.960.327.823	19.625.694.274	5.085.501.317	387.880.745	98.722.499.505
Tăng do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	382.950.000	-	-	382.950.000
Thanh lý, nhượng bán	(2.846.386.951)	(4.675.790.947)	(11.871.832.564)	(394.653.771)	(251.414.142)	(20.040.078.375)
Giảm do không nắm quyền kiểm soát công ty con (i)	(27.558.189.260)	(189.859.866.418)	(55.802.124.820)	(6.685.038.468)	(4.739.658.736)	(284.644.877.702)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(487.817.787)	-	-	-	-	(487.817.787)
Tăng/(giảm) khác	1.172.902.471	(150.725.724)	399.261.963	(935.820.716)	-	485.617.994
Phân loại lại	-	-	2.424.469.117	(2.424.469.117)	-	-
Tại ngày 31/12/2014	119.021.360.748	160.411.109.579	98.876.491.867	32.851.250.152	264.158.668	411.424.371.014

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2014	1.102.227.594.607	132.538.067.398	46.735.989.401	8.476.720.803	291.834.832	1.290.270.207.041
Tại ngày 31/12/2013	1.396.032.780.948	478.247.991.230	85.992.515.353	14.214.082.632	2.562.755.434	1.977.050.125.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội, Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh và tỷ lệ sở hữu vốn, tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại các công ty này dưới 50%. Theo đó, các công ty này không còn là công ty con của Tổng Công ty và do đó, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình của các công ty này không được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 973.900.375.885 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 979.120.572.344 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 117.219.987.872 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 89.692.609.604 VND).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u> VND	<u>Phương tiện vận tải</u> VND	<u>Cộng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	33.281.546.726	76.096.197.192	109.377.743.918
Thuê tài chính trong năm	11.554.249.953	-	11.554.249.953
Phân loại lại	(9.098.976.443)	9.098.976.443	-
Giảm do không nắm quyền kiểm soát công ty con (i)	(19.750.918.273)	-	(19.750.918.273)
Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(1.021.200.000)	(1.021.200.000)
Tại ngày 31/12/2014	15.985.901.963	84.173.973.635	100.159.875.598
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	11.726.203.951	18.546.111.341	30.272.315.292
Khấu hao trong năm	684.766.149	11.533.077.942	12.217.844.091
Giảm do không nắm quyền kiểm soát công ty con (i)	(11.157.287.672)	-	(11.157.287.672)
Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(382.950.000)	(382.950.000)
Tại ngày 31/12/2014	1.253.682.428	29.696.239.283	30.949.921.711
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	14.732.219.535	54.477.734.352	69.209.953.887
Tại ngày 31/12/2013	21.555.342.775	57.550.085.851	79.105.428.626

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội, Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh và tỷ lệ sở hữu vốn, tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại các công ty này dưới 50%. Theo đó, các công ty này không còn là công ty con của Tổng Công ty và do đó, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định thuê tài chính của các công ty này không được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	398.169.684.060	18.605.542.342	30.000.000	416.805.226.402
Tăng do mua sắm	-	2.579.407.115	-	2.579.407.115
Giảm do không nắm quyền kiểm soát công ty con (i)	-	(2.711.507.909)	-	(2.711.507.909)
Giảm khác	-	(676.753.166)	-	(676.753.166)
Thanh lý, nhượng bán	(1.024.000.000)	-	-	(1.024.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	<u>397.145.684.060</u>	<u>17.796.688.382</u>	<u>30.000.000</u>	<u>414.972.372.442</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	2.304.351.058	10.751.227.807	30.000.000	13.085.578.865
Khấu hao trong năm	961.039.868	3.723.756.753	-	4.684.796.621
Giảm do không nắm quyền kiểm soát công ty con (i)	-	(1.442.087.590)	-	(1.442.087.590)
Phân loại lại	778.053.498	(778.053.498)	-	-
Giảm khác	-	(296.693.137)	-	(296.693.137)
Tại ngày 31/12/2014	<u>4.043.444.424</u>	<u>11.958.150.335</u>	<u>30.000.000</u>	<u>16.031.594.759</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	<u>393.102.239.636</u>	<u>5.838.538.047</u>	<u>-</u>	<u>398.940.777.683</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>395.865.333.002</u>	<u>7.854.314.535</u>	<u>-</u>	<u>403.719.647.537</u>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội, Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh và tỷ lệ sở hữu vốn, tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại các công ty này dưới 50%. Theo đó, các công ty này không còn là công ty con của Tổng Công ty và do đó, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình của các công ty này không được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 260.573.318.964 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 124.583.595.638 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	230.465.674.152	202.254.038.171
Dự án Xuân Phương (i)	171.360.327.380	171.141.151.046
Dự án Khu đô thị mới Vũng Tàu	153.948.312.084	153.932.975.903
Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)	102.040.420.010	102.427.501.125
Công trình - Đầu tư Bất động sản Khu du lịch Thanh Bình P10	101.846.923.850	101.846.923.850
Dự án Khách sạn Lam Kinh	-	84.915.006.274
Công trình - Tòa nhà số 33 đường 30/4 Vũng Tàu	75.702.734.982	75.296.698.851
Dự án 157 ha tại Nghi Sơn	-	21.836.068.548
Các công trình, dự án khác	92.419.757.198	162.704.103.490
	<u>927.784.149.656</u>	<u>1.076.354.467.258</u>

(i) Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất lô CTSE tại Khu đô thị mới Xuân Phương để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

(ii) Thể hiện giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Ngày 08 tháng 01 năm 2014, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 01/QĐ-BQL quyết định chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Tổng Công ty thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã có Quyết định số 238/QĐ-DKVN ngày 09 tháng 01 năm 2014 về việc dừng thực hiện Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN về việc chuyển giao cho Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư Khu công nghiệp Tàu thủy Soài Rạp - Tiền Giang, theo đó PVN chấp thuận nguyên tắc thanh toán cho Tổng Công ty các chi phí Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư vào dự án kể từ thời điểm PVN ký biên bản bàn giao đến thời điểm có quyết định dừng chuyển nhượng dự án. Đồng thời ngày 20 tháng 01 năm 2014, PVN có Công văn số 470/DKVN-TCKT gửi UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang không thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014 và đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang xem xét thống nhất chủ trương để PVN nhận lại dự án từ Tổng Công ty. Ngày 27 tháng 02 năm 2014, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Thông báo số 32/TB-UBND, thống nhất chủ trương cho lùi thời hạn có hiệu lực của Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ được PVN thanh toán đầy đủ cho các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh có thể có nào liên quan đến các sự kiện trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	181.294.103.954	50.141.672.814	231.435.776.768
Tăng trong năm	8.167.500.000	-	8.167.500.000
Phân loại lại sang hàng tồn kho	(1.075.489.120)	(37.814.168.386)	(38.889.657.506)
Tăng từ tài sản cố định hữu hình	5.934.491.758	-	5.934.491.758
Thanh lý, nhượng bán	(24.102.549.389)	(5.601.351.420)	(29.703.900.809)
Giảm do không nắm quyền kiểm soát công ty con (i)	(66.235.868.711)	-	(66.235.868.711)
Tại ngày 31/12/2014	103.982.188.492	6.726.153.008	110.708.341.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	10.529.553.149	868.535.639	11.398.088.788
Khấu hao trong năm	4.089.013.913	56.700.581	4.145.714.494
Phân loại lại sang hàng tồn kho	(69.000.000)	(739.103.922)	(808.103.922)
Tăng từ tài sản cố định hữu hình	487.817.787	-	487.817.787
Thanh lý, nhượng bán	(1.391.808.589)	-	(1.391.808.589)
Giảm do không nắm quyền kiểm soát công ty con (i)	(8.847.679.755)	-	(8.847.679.755)
Tại ngày 31/12/2014	4.797.896.505	186.132.298	4.984.028.803
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	99.184.291.987	6.540.020.710	105.724.312.697
Tại ngày 31/12/2013	170.764.550.805	49.273.137.175	220.037.687.980

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội, Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh và tỷ lệ sở hữu vốn, tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại các công ty này dưới 50%. Theo đó, các công ty này không còn là công ty con của Tổng Công ty và do đó, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế bất động sản đầu tư của các công ty này không được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)	Thành phố Hồ Chí Minh	49%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-Đông Đô và PVC-Petroland nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Bắc), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Trung), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết định nêu trên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Quyết định số 967/QĐ-XLKD phê duyệt kế hoạch thoái vốn (bán phần vốn góp) của Tổng Công ty, theo đó Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư không nằm trong danh sách công ty con được phê duyệt trong phương án tái cấu trúc theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên PVN trong năm 2014 và 2015. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn nắm quyền kiểm soát các công ty con.

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	896.188.907.055	425.853.447.055
Lỗ lũy kế từ công ty liên kết	(634.933.422.476)	(134.148.726.528)
	<u>261.255.484.579</u>	<u>291.704.720.527</u>

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	6.911.621.201.720	5.227.131.089.916
Tổng công nợ	6.604.466.852.277	4.015.800.580.369
Tài sản thuần	307.154.349.443	1.211.330.509.547
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>261.255.484.579</u>	<u>291.704.720.527</u>
	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Doanh thu	1.109.909.426.432	1.071.848.310.199
Lỗ thuần	(217.092.701.191)	(244.263.740.439)
Lỗ thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	<u>(19.122.458.307)</u>	<u>(21.820.633.478)</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về một số công ty liên kết chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2014 VND	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2013 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Hecrim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44	44	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	2.600.000.000	2.600.000.000	26	26	Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam - SSG	Hà Nội	100.000.000.000	100.000.000.000	26	26	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
4	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000	50	50	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
5	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	55.000.000.000	55.000.000.000	23	23	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	83.848.907.055	86.819.907.055	25	25	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	63.900.000.000	63.900.000.000	35	35	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	Hà Nội	30.000.000.000	30.000.000.000	27	27	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông liên minh Dầu khí (Pctrn-link) (i)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97	35	Truyền thông và thương mại
10	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) (ii)	Đà Nẵng	73.500.000.000	-	49	49	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) (ii)	Hà Nội	107.500.000.000	-	36	36	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
12	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) (ii)	Hà Nội	200.000.000.000	-	40	40	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-Thanh Hóa) (ii)	Thanh Hóa	75.600.000.000	-	36	36	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
14	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (ii)	Thanh Hóa	77.000.000.000	-	34	41	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	-	35.163.540.000	-	-	Sản xuất công nghiệp
16	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn	Quảng Bình	-	18.130.000.000	-	-	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
17	Công ty Cổ phần Xây lắp và vật liệu Xây dựng dầu khí Sông Hồng	Hà Nội	-	7.000.000.000	-	-	Xây dựng
			896.188.907.055	425.853.447.055			

(i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày tương ứng là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát đối với PVC-MT, PVC-HN, PVC-ME, PVC-Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại các công ty này cũng chiếm từ trên 20% đến dưới 50%. Theo đó, khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại sang đầu tư vào công ty liên kết.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 10 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Quyết định số 967/QĐ-XLKD phê duyệt kế hoạch thoái vốn (bán phần vốn góp) của Tổng Công ty, theo đó Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư không nằm trong danh sách công ty con được phê duyệt trong phương án tái cấu trúc theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên PVN trong năm 2014 và 2015. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn nắm quyền ảnh hưởng đáng kể tới các công ty liên kết.

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư dài hạn (i)	244.899.968.199	546.716.021.999
Hợp đồng hợp tác đầu tư	273.201.753.385	282.740.802.274
	<u>518.101.721.584</u>	<u>829.456.824.273</u>

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	<u>31/12/2014</u>		<u>31/12/2013</u>	
	VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	VND	Tỷ lệ phần sở hữu %
1 Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico (*)	-		136.068.065.000	16%
3 Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (*)	-		86.100.000.000	14%
4 Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	-		37.500.000.000	14%
5 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC (*)	-		30.000.000.000	10%
6 Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
7 Công ty Cổ phần Hải Đăng	15.000.000.000	2%	15.000.000.000	2%
8 Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (*)	-		13.200.000.000	6%
9 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
10 Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	10.200.000.000	13%	10.200.000.000	13%
11 Các khoản đầu tư dài hạn khác	43.135.000.000		42.082.988.800	
	<u>244.899.968.199</u>		<u>546.716.021.999</u>	

(*) Tổng Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Quyết định số 967/QĐ-XLKD ngày 31 tháng 10 năm 2014 phê duyệt kế hoạch thoái vốn (bán phần vốn góp) của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư không nằm trong danh sách công ty con được phê duyệt trong phương án tái cấu trúc theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên PVN trong năm 2014 và 2015. Tổng Công ty đã và sẽ thực hiện thoái vốn tại một số công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán trong năm 2014 và 2015 theo phương thức thực hiện là khớp lệnh/thỏa thuận. Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại các khoản đầu tư dài hạn khác sang đầu tư chứng khoán ngắn hạn và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với khoản đầu tư vào các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán theo giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	81.531.742.812	96.315.363.964
Chi phí trả trước cho công cụ, dụng cụ, lán trại	48.516.636.857	61.767.744.191
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	98.868.373.728	100.960.826.076
Lợi thế kinh doanh (i)	41.635.063.856	46.691.979.000
Chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sàn giao dịch bất động sản (ii)	15.906.067.159	15.888.067.159
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.785.574.427	7.158.755.837
	<u>294.243.458.839</u>	<u>328.782.736.227</u>

(i) Lợi thế kinh doanh chủ yếu bao gồm 38.998.460.856 VND là giá trị còn lại chưa phân bổ khi đánh giá lại quyền sử dụng đất có thời hạn (hết hạn vào năm 2015) tại Vũng Tàu của PVC-IC (Công ty con của Tổng Công ty) theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 04 tháng 02 năm 2010 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 1138/NQ-XLTK ngày 30 tháng 12 năm 2009 về việc phê duyệt phương án xử lý đất đai phục vụ công tác chuyển đổi các Công ty TNHH MTV của Tổng Công ty sang công ty cổ phần.

(ii) Chi phí dịch vụ bán căn hộ (dự án PetroVietnam Landmark tại phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) qua sàn giao dịch bất động sản theo quy định tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Sàn giao dịch Bất động sản - Công ty Cổ phần Bất động sản Điện Lực Dầu khí Việt Nam ký với PVC-Land (Công ty con của Tổng Công ty).

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Lợi thế thương mại</u>
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	64.493.904.711
Tại ngày 31/12/2014	64.493.904.711
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	26.969.961.187
Phân bổ trong năm	6.191.643.075
Tại ngày 31/12/2014	33.161.604.262
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	<u>31.332.300.449</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>37.523.943.524</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	684.870.146.741	2.138.310.273.526
- Vay tại Công ty mẹ (*)	40.700.000.000	995.733.981.983
- Vay tại các công ty con	644.170.146.741	1.142.576.291.543
Vay dài hạn đến hạn trả	271.397.314.223	310.736.035.520
- Vay tại Công ty mẹ	19.038.873.320	19.038.873.320
- Vay tại các công ty con	252.358.440.903	291.697.162.200
Nợ dài hạn đến hạn trả	113.027.626.139	26.578.000.925
- Nợ tại Công ty mẹ	2.505.814.000	2.505.814.000
- Nợ tại các công ty con (gồm trái phiếu phát hành như trình bày tại Thuyết minh số 26)	110.521.812.139	24.072.186.925
	<u>1.069.295.087.103</u>	<u>2.475.624.309.971</u>

(*) Dự nợ vay ngắn hạn tại Công ty mẹ Tổng Công ty thể hiện khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty. Như trình bày tại Thuyết minh số 8, ngày 06 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội thực hiện khấu trừ 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản nợ đã quá hạn nêu trên của Tổng Công ty (trong đó dự nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.778.156 VND). Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với đơn vị tư vấn luật để thống nhất quy trình, cách thức khởi kiện SHB. Do đó, Tổng Công ty chưa ghi giảm số dự vay và lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền lần lượt là 40.700.000.000 VND và 5.533.778.156 VND. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (i)	165.428.772.122	204.759.611.399
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii)	119.562.738.665	1.063.239.379.370
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu	84.807.502.614	94.922.704.834
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	83.546.310.659	18.600.705.029
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	53.160.092.770	43.292.307.823
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	42.551.568.796	55.795.785.745
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu	40.292.883.228	49.961.348.093
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP HCM	18.539.049.056	134.631.195.401
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	-	136.704.604.067
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	-	99.478.464.073
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	83.768.641.282
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	70.027.759.266
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	76.981.228.831	83.127.767.144
	<u>684.870.146.741</u>	<u>2.138.310.273.526</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(i) Số dư các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm 2 khoản vay chính sau:

- Khoản vay của PVC-MS (công ty con của Tổng Công ty) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 855.14.551.936443.TD ngày 05 tháng 10 năm 2014 ký với MB - Chi nhánh Vũng Tàu với hạn mức 450 tỷ VND gồm số dư bảo lãnh thực hiện hợp đồng công trình Diamond giá trị 2.866.000 USD, dư nghĩa vụ khác 390 tỷ VND. Khoản vay, các thư tín dụng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp năm 2014-2015. Thời gian cho vay tối đa 06 tháng cho mỗi khế ước, thời hạn bảo lãnh tùy theo từng phương án cụ thể. Thời hạn của hạn mức tín dụng đến ngày 31 tháng 8 năm 2015. Lãi suất là lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo quy định của MB theo từng thời kỳ và được quy định trong từng khế ước nhận nợ và trả lãi vào ngày 15 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi các khoản phải thu phát sinh từ các công trình mà PVC-MS thực hiện thi công gồm Hợp đồng số PCV/DMDP-A/2012/616 ngày 15 tháng 3 năm 2013 gói thầu EPCC Tổng thầu thiết kế mua sắm, xây dựng và đưa vào vận hành - chủ đầu tư Petronas; Hợp đồng số 05/2013/DK-VSP/PVCMMS ngày 26 tháng 6 năm 2013 thực hiện giá trị thiết kế cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình P3, P4 (EPC) dự án sửa chữa nâng cấp công trình P3, P4 vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam; Hợp đồng số CNT-6495-SMP1B-001 ngày 11 tháng 7 năm 2014 giữa JGCS và PVC-MS.

- Khoản vay của PVC-IC (công ty con của Tổng Công ty) tại MB - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1167.14.551.687848.TD.DN ngày 30 tháng 12 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này có tài sản đảm bảo bằng các khoản phải thu theo Hợp đồng Bảo đảm số 670.14.551.687848.TC.DN ngày 12 tháng 11 năm 2014 và 013.14.551.687848, đồng thời PVC-IC cũng dùng mọi nguồn thu phát sinh từ Dự án, phương án sử dụng vốn vay, các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và toàn bộ số tiền có trên tài khoản của PVC tại MB để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của PVC-IC trong toàn bộ thời gian hiệu lực của hợp đồng này. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Thời hạn duy trì hạn mức là đến ngày 30 tháng 11 năm 2015.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (OceanBank) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu là khoản vay của Công ty mẹ theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) tại OceanBank với số tiền 955.033.981.983 VND. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản vay nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Do đó, Tổng Công ty đã phân loại lại khoản vay này sang vay dài hạn.

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện khoản vay của PVC-Mekong (công ty con của Tổng Công ty) tại OceanBank - chi nhánh Cà Mau theo Hợp đồng tín dụng số 001-0012/2013/HDTDHM1-OCEANBANK.CNCAMAU ngày 30 tháng 10 năm 2013 với hạn mức vay là 120 tỷ VND, thời hạn cung cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mức lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của PVC-Mekong. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất đối với thửa đất có diện tích 2.812,2 m² của Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu tại địa chỉ phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chủ yếu bao gồm số tiền nhận trước từ Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 với số tiền 3.836.621.594.448 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4.711.835.417.678 VND) liên quan đến Hợp đồng thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

23. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ, THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Phải nộp/(thu) tại	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp/(thu) tại
	ngày 01/01/2014			ngày 31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	67.782.597.838	181.680.814.306	176.939.316.340	72.524.095.804
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	575.980.365.682	575.980.365.682	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	360.354.101	360.354.101	-
Thuế nhập khẩu	-	3.652.324.067	3.652.324.067	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.584.256.619)	45.294.691.485	44.323.701.395	(22.613.266.529)
+ Phải nộp	13.900.129.641	45.031.001.419	43.655.958.883	15.275.172.177
+ Phải thu	(37.484.386.260)	263.690.066	667.742.512	(37.888.438.706)
Thuế thu nhập cá nhân	4.575.508.195	20.821.537.343	19.829.110.082	5.567.935.456
+ Phải nộp	5.291.797.329	20.731.876.913	19.683.342.957	6.340.331.285
+ Phải thu	(716.289.134)	89.660.430	145.767.125	(772.395.829)
Tiền thuế đất	-	25.754.886.829	24.946.166.989	808.719.840
Thuế môn bài	-	40.000.000	40.000.000	-
Thuế khác	4.718.039.878	3.529.247.503	2.833.601.128	5.413.686.253
+ Phải nộp	4.719.451.525	3.504.243.630	2.795.741.528	5.427.953.627
+ Phải thu	(1.411.647)	25.003.873	37.859.600	(14.267.374)
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	958.988.045	13.303.358.413	13.842.016.865	420.329.593
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	54.450.877.337	870.417.579.729	862.746.956.649	62.121.500.417
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	38.202.087.041			38.675.101.909
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	92.652.964.378			100.796.602.326

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đang trong quá trình làm thủ tục xin hoàn thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tại Công ty mẹ và một số công ty con.

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí trích trước của các công trình xây dựng	545.321.133.165	657.229.260.290
Chi phí trích trước lãi vay	191.192.013.388	164.787.882.284
Chi phí phải trả khác	24.478.702.024	17.249.514.016
	760.991.848.577	839.266.656.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	241.188.957.901	237.384.966.691
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	206.690.430.513	252.719.596.540
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - PTSC (ii)	193.751.441.596	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (iii)	76.281.343.205	177.051.706.804
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Sở Tài chính Hà Nội (iv)	41.405.472.584	41.405.472.584
Phải trả khách hàng thanh lý hợp đồng mua căn hộ	41.339.176.812	42.317.533.127
Nhận đặt cọc ngắn hạn	86.839.966.225	25.733.674.194
Chi phí lãi vay	6.109.060.387	174.901.188.954
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	28.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	11.193.555.393
Các khoản phải trả, phải nợ ngắn hạn khác	515.052.241.816	261.786.204.956
	<u>1.458.658.091.039</u>	<u>1.302.493.899.243</u>

(i) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) chủ yếu bao gồm: (a) giá trị 10.000.000 cổ phần nhận chuyển nhượng với giá 10.000 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (PAP) theo Hợp đồng số 8345/HĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2010, (b) giá trị 13.909.896 cổ phần với giá 10.509 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (PV MACHINO) theo Hợp đồng số 5650/HĐ-DKVN ngày 15 tháng 7 năm 2010 ký với PVN, và (c) vốn PVN hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Các khoản phải trả này đã quá hạn thanh toán từ năm 2011.

(ii) Khoản phải trả PTSC thể hiện số tiền PTSC đã đứng ra thanh toán hộ các thầu phụ tại công trình thi công nạo vét lần đầu các công trình biển - Dự án liên hiệp lọc hóa dầu Nghi Sơn.

(iii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (OceanBank) thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty vay lại theo các hợp đồng hỗ trợ vốn để thanh toán cho OceanBank. Theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 21.

(iv) Khoản phải trả Sở Tài chính Hà Nội thể hiện số tiền chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá bán chỉ định cơ sở nhà đất tại 69 Nguyễn Du, Hà Nội sau khi trừ đi các khoản chi phí và thuế thu nhập doanh nghiệp Tổng Công ty đã nộp trong năm 2010.

26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	1.667.144.927.964	1.205.462.844.786
- Vay tại Công ty mẹ	974.072.855.303	38.077.746.640
- Vay tại các công ty con	693.072.072.661	1.167.385.098.146
Nợ thuê tài chính dài hạn	34.498.662.349	59.180.357.911
- Nợ dài hạn tại Công ty mẹ	8.770.339.008	11.276.153.008
- Nợ dài hạn tại các công ty con	25.728.323.341	47.904.204.903
Trái phiếu phát hành của PVC Land (Công ty con)	95.000.000.000	95.000.000.000
	<u>1.796.643.590.313</u>	<u>1.359.643.202.697</u>
Trong đó		
Số phải trả trong vòng 12 tháng	384.424.940.362	337.314.036.445
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.412.218.649.951</u>	<u>1.022.329.166.252</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (i)	295.910.930.219	338.145.167.539
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii)	955.033.981.983	214.532.843.707
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	320.841.540.236
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (iii)	291.400.000.000	153.200.000.000
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	124.800.015.762	178.743.293.304
	<u>1.667.144.927.964</u>	<u>1.205.462.844.786</u>

(i) Số dư các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm 2 khoản vay chính sau:

- Khoản vay dài hạn của Công ty mẹ - Tổng Công ty nhận chuyển nhượng lại từ PVC - ME (Công ty liên kết của Tổng Công ty) theo Hợp đồng Chuyển giao Quyền và Nghĩa vụ ba bên giữa PVC - ME, Tổng Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ngày 30 tháng 11 năm 2012. Theo đó, Tổng Công ty nhận chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ, trong đó có nghĩa vụ là trả nợ vay trung hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với tổng số tiền nhận nợ là 47.597.183.300 VND, thời hạn trả nợ khoản vay là ngày 03 tháng 9 năm 2015, lãi suất của khoản vay trong năm từ 10%/năm đến 11%/năm; và Tổng Công ty có quyền nhận chuyển nhượng một số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải có giá trị còn lại được định giá 50.460.901.290 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay trung hạn trên. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, PVC - ME vẫn chưa chuyển giao quyền sở hữu những tài sản này cho Tổng Công ty.

- Khoản vay của PVC-Petroland (công ty con của Tổng Công ty) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 09.102035/HĐTD-TDH ngày 07 tháng 01 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ VND nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VietinBank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, và lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(iii) Số dư các khoản vay Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chủ yếu là số dư khoản vay của PVC-MS (công ty con của Tổng Công ty) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô theo Hợp đồng tín dụng số 231/HĐTĐ-LPBĐĐ ngày 28 tháng 12 năm 2012, với hạn mức vay 480 tỷ VND (số dư vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là 291,4 tỷ VND). Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay trong 72 tháng và được đảm bảo bởi bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Khoản vay được sử dụng để tái tài trợ dự án xây dựng bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình - giai đoạn 2.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	271.397.314.223	310.736.035.520
Trong năm thứ hai	183.014.188.542	284.516.654.642
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.212.733.425.199	313.792.582.862
Sau năm năm	-	296.417.571.762
	<u>1.667.144.927.964</u>	<u>1.205.462.844.786</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	271.397.314.223	310.736.035.520
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.395.747.613.741</u>	<u>894.726.809.266</u>

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	18.027.626.139	26.578.000.925
Trong năm thứ hai	13.017.390.742	19.781.419.162
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.453.645.468	12.820.937.824
	<u>34.498.662.349</u>	<u>59.180.357.911</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	18.027.626.139	26.578.000.925
Số phải trả sau 12 tháng	<u>16.471.036.210</u>	<u>32.602.356.986</u>

Trái phiếu phát hành được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	95.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	-	95.000.000.000
	<u>95.000.000.000</u>	<u>95.000.000.000</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	95.000.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>-</u>	<u>95.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	4.000.000.000.000	-	-	3.063.276.244	(3.494.133.407)	79.774.784.389	63.450.190.982	2.818.417.732	(1.297.499.192.128)	2.848.113.343.812	(1.622.731.666.594)	(15.690.035.541)	(110.681.293.223)	(6.700.221.882)	(22.478.187.888)	1.081.194.933.441
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.433.995.015
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	8.473.680.016	2.889.314.741	-	4.069.295.450	2.291.789.868	-	-	-	-	(3.809.321.047)	33.100.112.473
- Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	33.100.112.473
- Chia lợi nhuận theo hợp đồng liên danh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(12.624.563.540)
- Tặng/(Giảm) khác	-	-	-	-	141.596.747	2.924.095.033	(3.749.208.093)	(4.197.698)	21.790.473.877	(22.478.187.888)	1.081.194.933.441	(3.075.092.883.245)	(3.075.092.883.245)	(3.075.092.883.245)	(3.075.092.883.245)	1.081.194.933.441
Tại ngày 01/01/2014	4.000.000.000.000	-	-	3.063.276.244	(3.352.536.660)	91.172.559.438	62.590.297.630	2.814.220.034	3.075.092.883.245	1.081.194.933.441	(3.075.092.883.245)	(3.075.092.883.245)	(3.075.092.883.245)	(3.075.092.883.245)	(3.075.092.883.245)	1.081.194.933.441
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.433.995.015
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	4.069.295.450	2.291.789.868	-	4.069.295.450	2.291.789.868	-	-	-	-	-	(3.809.321.047)
- Biến động do mất quyền kiểm soát các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	33.100.112.473
- Tặng/(Giảm) khác	-	76.921.472	-	-	489.740.862	(5.452.687.618)	(3.000.440.938)	(651.807.802)	(4.086.289.516)	(12.624.563.540)	(12.624.563.540)	(12.624.563.540)	(12.624.563.540)	(12.624.563.540)	(12.624.563.540)	33.100.112.473
Tại ngày 31/12/2014	4.000.000.000.000	76.921.472	3.063.276.244	(2.862.795.798)	89.789.167.270	61.881.646.560	2.162.412.232	(3.040.815.471.638)	1.113.295.156.342	1.113.295.156.342	(3.040.815.471.638)	(3.040.815.471.638)	(3.040.815.471.638)	(3.040.815.471.638)	(3.040.815.471.638)	1.113.295.156.342

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 15 ngày 05 tháng 02 năm 2015, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	31/12/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.181.733.330.000	54,54	2.181.733.330.000	54,54
Các cổ đông khác	1.818.266.670.000	45,46	1.818.266.670.000	45,46
	4.000.000.000.000	100	4.000.000.000.000	100

Cổ phiếu

	31/12/2014	31/12/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận Xây lắp, Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng và Bộ phận dịch vụ và khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận Xây lắp	- xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng	- kinh doanh nhà và hạ tầng;
Bộ phận dịch vụ và khác	- cung cấp các dịch vụ liên quan tới xây lắp và bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Xây lắp		Kinh doanh nhà và hạ tầng		Dịch vụ và khác		Loại trừ khi hợp nhất		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản										
Tài sản bộ phận	12.897.343.403.648		3.087.152.811.688		950.071.777.522		(1.220.405.174.383)		15.714.162.818.475	
Lỗ từ công ty liên kết	(634.933.422.476)								(634.933.422.476)	
Tổng tài sản hợp nhất									15.079.229.395.999	
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	10.955.712.041.492		1.560.537.763.269		291.948.916.677		(536.387.118.770)		12.271.811.602.668	
Tổng nợ phải trả hợp nhất									12.271.811.602.668	

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Xây lắp		Kinh doanh nhà và hạ tầng		Dịch vụ và khác		Loại trừ khi hợp nhất		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản										
Tài sản bộ phận	14.979.497.720.010		3.663.153.203.238		1.234.667.145.246		(3.226.435.963.482)		16.650.882.105.012	
Lỗ từ công ty liên kết	(135.222.678.729)								(135.222.678.729)	
Tổng tài sản hợp nhất									16.515.659.426.283	
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	12.940.980.499.187		1.683.565.902.193		962.388.177.331		(1.930.015.277.360)		13.656.919.301.351	
Tổng nợ phải trả hợp nhất									13.656.919.301.351	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.241.018.118.350	148.176.811.122	266.156.725.203	(727.368.224.999)	8.927.983.429.676
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	8.953.960.992.495	130.741.331.828	256.904.255.434	(790.769.577.814)	8.550.837.001.943
Kết quả kinh doanh bộ phận	287.057.125.855	17.435.479.294	9.252.469.769	63.401.352.815	377.146.427.733
Chi phí không phân bổ					(553.794.867.780)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh					(176.648.440.047)
Phần lỗ trong công ty liên kết					(19.122.458.307)
Lợi nhuận khác					49.260.294.724
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính					193.743.328.774
Lợi nhuận trước thuế					47.232.725.144
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(36.920.193.071)
Lợi nhuận trong năm					10.312.532.073

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.377.753.554.821	560.125.590.695	386.955.941.219	(362.786.918.012)	4.962.048.168.723
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	4.308.546.549.103	583.079.524.245	425.941.691.240	(409.786.117.060)	4.907.781.647.528
Kết quả kinh doanh bộ phận	69.207.005.718	(22.953.933.550)	(38.985.750.021)	46.999.199.048	54.266.521.195
Chi phí không phân bổ					(1.264.956.394.504)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh					(1.210.689.873.309)
Phần lỗ trong công ty liên kết					(21.820.633.478)
Lỗ khác					(188.036.851.942)
Lỗ từ hoạt động tài chính					(738.195.625.685)
Lỗ trước thuế					(2.158.742.984.414)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(69.607.785.908)
Lỗ trong năm					(2.228.350.770.322)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Miền Bắc	6.512.920.289.709	2.506.199.863.548
Miền Trung	5.421.666.524	83.538.877.442
Miền Nam	3.137.009.698.442	2.735.096.345.745
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	(727.368.224.999)	(362.786.918.012)
	8.927.983.429.676	4.962.048.168.723

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	31/12/2014	31/12/2013	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND	VND	VND
Miền Bắc	10.270.614.747.273	12.924.155.848.794	4.924.470.831	83.358.743.540
Miền Trung	-	395.903.103.942	-	222.000.000
Miền Nam	6.663.953.245.586	6.557.259.115.758	54.362.048.485	126.633.379.133
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	(1.855.338.596.860)	(3.361.658.642.211)	-	-
	15.079.229.395.999	16.515.659.426.283	59.286.519.316	210.214.122.673

29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	8.600.212.692.336	4.016.648.705.074
Hoạt động kinh doanh bất động sản và hạ tầng	148.176.811.122	560.125.590.695
Hoạt động dịch vụ	118.421.361.556	188.059.719.099
Hoạt động tư vấn xây dựng	2.880.197.401	4.502.089.512
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	20.941.655.183	95.365.169.624
Hoạt động khác	37.350.712.078	97.346.894.719
	8.927.983.429.676	4.962.048.168.723

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	8.249.393.517.128	3.898.760.432.043
Hoạt động kinh doanh bất động sản và hạ tầng	130.741.331.828	583.079.524.245
Hoạt động dịch vụ	113.351.019.102	129.293.572.428
Hoạt động tư vấn xây dựng	7.223.467.439	7.950.944.839
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	27.836.742.726	161.233.465.645
Hoạt động khác	22.290.923.720	127.463.708.328
	<u>8.550.837.001.943</u>	<u>4.907.781.647.528</u>

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thanh lý/mất quyền kiểm soát tại công ty con (*)	410.633.868.951	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	40.500.487.983	26.305.023.834
Lãi tiền gửi, ký quỹ ngân hàng	21.449.114.044	30.293.922.960
Lãi chuyển nhượng cổ phần	23.408.965.890	6.829.692.818
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.966.128.000	5.386.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.713.194.457	4.468.877.151
	<u>505.671.759.325</u>	<u>73.283.516.763</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội, Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa.

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay (i)	131.442.443.218	454.402.187.209
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	(46.029.166.027)	216.935.063.318
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	161.784.752.927	67.598.108.120
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	24.752.563.225	62.170.878.694
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.250.399.184	770.309.109
Chi phí tài chính khác	727.438.024	9.602.595.998
	<u>311.928.430.551</u>	<u>811.479.142.448</u>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, thời điểm thanh toán các khoản vay tại OceanBank đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và áp dụng lãi suất 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, và lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Theo đó, Tổng Công ty đã tính lại chi phí lãi vay chênh lệch do áp dụng lãi suất mới của các khoản vay tại OceanBank và điều chỉnh chi phí lãi vay trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2014, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá một số nghĩa vụ bảo lãnh đã có sự thay đổi. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 46 tỷ VND.

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.611.220.898.658	1.413.728.058.926
Chi phí nhân công	749.532.850.234	547.671.091.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.770.854.711	208.428.977.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.479.658.604.812	3.211.536.138.175
Chi phí dự phòng	307.056.737.121	1.095.413.833.873
Chi phí thuê ngoài và bằng tiền khác	500.504.437.564	297.737.187.041
	10.767.744.383.100	6.774.515.286.752

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	47.232.725.144	(2.158.742.984.414)
Trừ:		
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(53.483.329.027)</i>	<i>(38.693.610.639)</i>
<i>Lỗ từ các năm trước mang sang</i>	<i>(11.875.825.108)</i>	<i>(4.453.351.966)</i>
Cộng:		
<i>Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang</i>	<i>5.827.268.112</i>	<i>5.827.268.119</i>
<i>Các khoản chi phí không được khấu trừ trong năm</i>	<i>83.904.640.777</i>	<i>97.338.102.256</i>
<i>Các khoản dự phòng</i>	<i>-</i>	<i>220.407.327.393</i>
Thu nhập ròng chịu thuế	71.605.479.898	(1.878.317.249.251)
- Lỗ	(132.159.034.579)	(1.992.097.033.467)
- Thu nhập chịu thuế	203.764.514.477	113.779.784.216
Thuế suất (*)	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	44.828.193.185	28.444.946.054
Cộng: Thuế TNDN nộp bổ sung theo quyết toán thuế năm trước	466.498.300	2.507.676.357
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	45.294.691.485	30.952.622.411
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(8.374.498.414)	38.655.163.497
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	36.920.193.071	69.607.785.908

(*) Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2013 là 25%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***35. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	VND	15.433.995.015	(1.622.731.666.594)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phiếu	399.997.029	399.997.029
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	VND	39	(4.057)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	VND	10.000	10.000

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 26 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ trừ lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	2.481.513.737.054	3.497.953.476.223
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.765.815.383.424	1.597.774.161.145
Nợ thuần	715.698.353.630	1.900.179.315.078
Vốn chủ sở hữu	1.113.295.156.342	1.081.194.933.441
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,64	1,76

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.765.815.383.424	1.597.774.161.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.661.812.369.307	1.319.649.317.026
Đầu tư ngắn hạn	124.083.969.545	47.219.783.066
Đầu tư dài hạn	357.473.197.820	601.296.596.778
Các khoản ký quỹ	238.054.035.879	1.044.388.658.613
Tổng cộng	4.147.238.955.975	4.610.328.516.628
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	2.481.513.737.054	3.497.953.476.223
Phải trả người bán và phải trả khác	3.710.185.625.517	2.724.146.247.059
Chi phí phải trả	760.991.848.577	839.266.656.590
Tổng cộng	6.952.691.211.148	7.061.366.379.872

Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá toàn bộ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.556.376.114.410	99.011.744.800	840.666.486.045	1.475.220.360.217
Euro (EUR)	-	3.687.581.313	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm 2014 và (lỗ) trước thuế trong năm 2013 của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(71.570.962.836)	(137.620.861.542)
Euro (EUR)	-	368.758.131

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ (giảm)/tăng và lỗ trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng/(giảm) với số tiền tương ứng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận/(lỗ) trước thuế VND
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014	
VND	200	(29.715.595.101)
VND	(200)	29.715.595.101
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	200	50.044.389.885
VND	(200)	(50.044.389.885)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, Quyết định số 967/QĐ-XLKD ngày 31 tháng 10 năm 2014, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2015 (Như trình bày tại Thuyết minh số 39).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 37.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.765.815.383.424	-	1.765.815.383.424
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.487.730.417.888	174.081.951.419	1.661.812.369.307
Đầu tư tài chính	124.083.969.545	357.473.197.820	481.557.167.365
Các khoản ký quỹ	84.172.050.431	153.881.985.448	238.054.035.879
Tổng cộng	3.461.801.821.288	685.437.134.687	4.147.238.955.975
Phải trả người bán và phải trả khác	3.634.819.004.188	75.366.621.329	3.710.185.625.517
Chi phí phải trả	760.991.848.577	-	760.991.848.577
Các khoản vay	1.051.267.460.964	1.395.747.613.741	2.447.015.074.705
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	18.027.626.139	16.471.036.210	34.498.662.349
Tổng cộng	5.465.105.939.868	1.487.585.271.280	6.952.691.211.148
Chênh lệch thanh khoản thuần	(2.003.304.118.580)	(802.148.136.593)	(2.805.452.255.173)
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.597.774.161.145	-	1.597.774.161.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.120.439.632.261	199.209.684.765	1.319.649.317.026
Đầu tư tài chính	47.219.783.066	601.296.596.778	648.516.379.844
Các khoản ký quỹ	1.035.230.009.451	9.158.649.162	1.044.388.658.613
Tổng cộng	3.800.663.585.923	809.664.930.705	4.610.328.516.628
Phải trả người bán và phải trả khác	2.724.146.247.059	-	2.724.146.247.059
Chi phí phải trả	839.266.656.590	-	839.266.656.590
Các khoản vay	2.449.046.309.046	989.726.809.266	3.438.773.118.312
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	26.578.000.925	32.602.356.986	59.180.357.911
Tổng cộng	6.039.037.213.620	1.022.329.166.252	7.061.366.379.872
Chênh lệch thanh khoản thuần	(2.238.373.627.697)	(212.664.235.547)	(2.451.037.863.244)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có rủi ro thanh khoản cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Kế hoạch tăng cường khả năng thanh khoản được trình bày tại Thuyết minh số 2.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.090.125.099.056	2.473.971.988.341

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.799.309.601	5.212.329.551

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	600.669.899.743	132.878.034.531
Phải thu từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	68.486.353.606	174.092.519.145
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	3.908.101.452.112	4.856.114.003.159
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	116.399.154.802	92.347.395.650
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.688.221.590	4.638.566.712
Phải trả các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	141.857.593.214	137.914.031.148
Ứng trước cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.258.904.048	354.493.668
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.068.154.052	2.008.154.052
Phải thu khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	14.425.973.396	33.054.288.779
Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	230.338.957.574	237.384.966.691
Phải trả khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	244.064.286.717	89.506.400.514
Các khoản vay		
Ngân hàng TMCP Đại Dương		
- Vay ngắn hạn	119.562.738.665	1.063.239.379.370
- Vay dài hạn	955.033.981.983	214.532.843.707
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam		
- Vay ngắn hạn	10.000.000	83.768.641.282
- Vay dài hạn	-	320.841.540.236

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ - Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh tại ngày 31/12/2014	Dư nợ vay quá hạn tại ngày 31/12/2014	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả tại ngày 31/12/2014
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	36.834.232.037
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	34.972.943.665
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	7.156.483.663
PVC-Metal	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 20/9/2012	18.418.688.119	18.418.688.119	-
PVC-IMICO	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - PGD Ngô Quyền	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 21/4/2012	99.700.000.000	99.700.000.000	-
PVC-MT	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng	Từ ngày 26/6/2012 đến ngày 26/12/2012	48.563.059.336	48.563.059.336	-
PVC - KBC	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	Từ ngày 19/12/2011 đến ngày 30/6/2012	31.954.650.159	31.954.650.159	-
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8	Từ ngày 31/5/2012 đến ngày 31/12/2012	127.726.771.148	127.726.771.148	127.726.771.148
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
	Cộng dư nợ bảo lãnh vay vốn ngắn hạn đã quá hạn		564.218.260.756	564.218.260.756	206.690.430.513
PVC-MT	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Từ ngày 09/3/2010 đến ngày 08/3/2015	4.126.586.477	-	-
	Tổng cộng		568.344.847.233	564.218.260.756	206.690.430.513

Công ty mẹ - Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (Tiếp theo)**

Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Công ty mẹ - Tổng Công ty đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND. Ngoài ra, các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã đến hạn và quá hạn tính theo thời hạn thư bảo lãnh là khoảng 564 tỷ VND. Trong năm 2014, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá một số nghĩa vụ bảo lãnh đã có sự thay đổi. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 46 tỷ VND. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh, cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải chấp các thư bảo lãnh.

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc "Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc", tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án đang tạm dừng triển khai. Hiện tại, Tổng Công ty đang đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, giá trị hợp đồng EPC công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 sẽ được điều chỉnh trong tương lai. Tổng Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản lãi/lỗ nào tại công trình này, doanh thu tại công trình này được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Bắc), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Trung), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014; Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này). Giai đoạn sau năm 2015, Tổng Công ty chỉ còn 5 công ty con là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết định nêu trên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Quyết định số 967/QĐ-XLDK phê duyệt kế hoạch thoái vốn (bán phần vốn góp) của Tổng Công ty tại các công ty không nằm trong danh sách các công ty được phê duyệt trong phương án tái cấu trúc theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên PVN trong năm 2014 và 2015 với giá bán theo giá trị thị trường tại thời điểm bán nhưng không thấp hơn giá trị đầu tư. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết định nêu trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



Bùi Hoàng Giang
Người lập



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Minh
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015